

Bản án số: 09/2024/HS-ST
Ngày: 20 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY - TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Phương Xa.

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà:** Ông Dương Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2024/TLST-HS, ngày 09 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đào Quang H, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2005; nơi sinh: huyện C, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn M và bà Trần Thị Trúc L; anh chị em ruột: 01 người; chưa có vợ, chưa có con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 28/01/2022 bị Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xử phạt 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cướp tài sản”, ngày 04/7/2022 chấp hành xong hình phạt.

Ngày 28/8/2023 bị Toà án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” và 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt của hai tội danh là 04 năm tù (theo Bản án số

29/2023/HS-ST ngày 28/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang). Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang; bị cáo có mặt.

2. Đỗ Ngọc V, sinh năm 1985; nơi sinh: huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha: Không rõ; mẹ là bà Đỗ Kim O; anh chị em ruột: 02 người; chưa có vợ, chưa có con; tiền sự: Không;

Tiền án: Có một tiền án, ngày 25/7/2017 bị Toà án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đến ngày 09/8/2019 chấp hành xong hình phạt tù, đến ngày 26/8/2022 chấp hành xong bản án về phần án phí.

Nhân thân:

Ngày 25/11/2005 bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo bản án số 268/2005/HSST ngày 25/11/2005 của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23/6/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xử phạt 12 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo bản án số 17/2023/HS-ST ngày 23/6/2023 của Toà án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Bị cáo Đỗ Ngọc V hiện đang chấp hành án tại trại giam P2, Bộ Công; được trích xuất về Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang; bị cáo có mặt.

3. Lê Văn N, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2002; nơi sinh: huyện V, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị P; anh chị em ruột: 03 người; có vợ là Lâm Thị Kim L1 và 02 người con (lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

Ngày 15/8/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xử phạt 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, theo bản án số 24/2023/HS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Bị cáo Lê Văn N, đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang từ ngày 07/02/2024 cho đến nay; bị cáo có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số C V Q, phường F, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Số C, T, T, B, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt);

- *Người làm chứng:*

+ Ông Hồ Ngọc E; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

+ Bà Võ Thị Đ; nơi cư trú: Ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

+ Chị Trần Thị Trúc L; nơi cư trú: Ấp B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

+ Chị Hồ Diệu H2 (Vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Ngọc P1 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

+ Anh Nguyễn Văn T1; nơi cư trú: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản người bị tạm giam bỏ trốn; tờ tường trình về việc các đối tượng tạm giam trốn khỏi nơi giam, giữ; biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường; bản ảnh hiện trường; biên bản người phạm tội ra đầu thú; bản tự khai; biên bản ghi lời khai; biên bản hỏi cung bị can; biên bản đối chất và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 07/6/2023, Đào Quang H đang tạm giam tại Phòng S1, thuộc Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang (sau đây gọi là: Nhà tạm giữ) cùng với Đỗ Ngọc V và Lê Văn N; trong thời gian tạm giam, H rủ V và N trốn khỏi Nhà tạm giữ thì cả nhóm (03 người) đồng ý. Sau đó, hằng ngày V lợi dụng sơ hở của cán bộ Nhà tạm giữ và lấy cái mền che chắn cửa buồng giam (cửa trong, cửa số 2) không để camera phát hiện, Vũ trèo lên cửa sổ phòng giam dùng chân đạp vào cây lam thông gió Phòng số 5 làm bể bê tông và biến dạng.

Đến ngày 11/6/2023, bị cáo V kêu các bị cáo H và N đi trốn. Lúc này, V mới trèo lên cửa sổ cây lam thông gió đạp gãy trốn ra khỏi phòng trước, tiếp đến là H và N, khi ra khỏi phòng V có đem theo cái mền cột thành tám (08) nút thắt, H đem theo cái mền cột thành hai (02) nút thắt hai đầu đã chuẩn bị trước đó, đi đến vách tường rào cặp bên Huyện Ủ, tỉnh Hậu Giang để đi ra ngoài, V kêu N ngồi xuống cho V đứng lên vai và lấy một đầu của cái mền cột vào lưới chì gai, khi cột xong V trèo lên trước và dùng cái mền H đưa để cột một đầu vào

lưới chì gai, đầu còn lại thả xuống cặp vách tường và cả 03 người lần lượt tụt xuống và trốn đi ra ngoài.

Sau khi ra khỏi khu vực Nhà tạm giữ Công an huyện V thì các bị cáo V, H và N đi ra đường N, ra Quốc lộ F về hướng chợ N1 và đi đến các tuyến lộ nông thôn để đi về nhà ông Lê Văn H3 (chú ruột của N), khi đi đến phía sau chùa T2 thuộc ấp E, xã V, huyện V thì Vũ một nên kêu H và N đi trước, V đi từ từ theo sau; khi N và H đi đến nhà ông H3 thì không thấy Vũ đâu nên quay lại tìm nhưng không gặp và không đi kiểm nữa nên N mới đi vào nhà ông H3 gặp bà H4 (nội N) và ông H3, đồng thời ông H3 biết N và H trốn trại nên gia đình đã vận động H và N đến Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang đầu thú thì H và N đồng ý.

Đến ngày 19/6/2023, bị cáo Đỗ Ngọc V đến Công an P3, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh đầu thú.

Quá trình điều tra các bị cáo Đào Quang H, Đỗ Ngọc V và Lê Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi các bị cáo đã thực hiện.

Vật chứng vụ án: Một sợi dây làm bằng vải mùng dài 4,3m có cột 08 nút thắt; một sợi dây làm bằng vải mền dài 2,3m có cột 02 nút thắt hai đầu.

Tại Bản cáo trạng số 03/CT-VKS-HVT, ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang đã truy tố các bị cáo: Đào Quang H, Đỗ Ngọc V và Lê Văn N về tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ”, theo điểm a khoản 2 Điều 386 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017; sau đây gọi là: Bộ luật Hình sự).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì về Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang; các bị cáo, người liên quan, không ai có ý kiến gì về thủ tục tố tụng đối với họ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Đào Quang H, Đỗ Ngọc V và Lê Văn N là đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ”, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ đã đề nghị Hội đồng xét xử;

Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 386, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Ngọc V; xử phạt bị cáo V từ 03 đến 04 năm tù;

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 386, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đào Quang H và Lê Văn N;

Xử phạt bị cáo Đào Quang H từ 04 đến 05 năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 03 đến 04 năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Không có.

Vật chứng của vụ án: Đề nghị tịch thu và tiêu hủy.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không ai có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Các bị cáo H và N có chung ý kiến: xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo V không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩ Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện, đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt, trước đó họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, để tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về tội danh:

[3.1] Các bị cáo Đào Quang H, Đỗ Ngọc V và Lê Văn N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; theo Biên bản người bị tạm giam bỏ trốn; tờ tường trình về việc các đối tượng tạm giam trốn khỏi nơi giam, giữ; biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường; bản ảnh hiện trường; vật chứng của vụ án; biên bản người phạm tội ra đầu thú; bản tự khai; biên bản ghi lời khai; biên bản hỏi cung bị can; biên bản đối chất và diễn biến tại phiên tòa đã có căn cứ để chứng minh.

[3.2] Các bị cáo Đào Quang H, Đỗ Ngọc V và Lê Văn N đang bị tạm giam tại Phòng số 5 thuộc Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang (sau đây gọi là: Nhà tạm giữ); trước ngày trốn khỏi Nhà tạm giữ khoảng 2 đến 3 ngày, bị cáo Đào Quang H rủ rê các bị cáo V và N trốn khỏi Nhà tạm giữ thì các bị cáo đồng ý; lợi dụng cửa sổ 2 (cửa trong) của Phòng giam không khoá, các bị cáo leo lên đập lam thông gió của Phòng giam số 5 và kéo lưới B40, lấy mền che camera để tránh bị phát hiện, chuẩn bị một cái mùng và một cái mền đem theo để trốn (cái mùng cột thành tám nút thắt, cái mền cột thành hai nút thắt hai đầu).

[3.3] Sau khi bàn bạc, các bị cáo thống nhất đợi trời mưa để trốn, đến ngày 11/6/2023 các bị cáo chuẩn bị đem theo một cái mùng và một cái mền, sau khi ra khỏi Phòng giam số 5 các bị cáo đi đến vách tường rào cặp bên Huyện Ủ để trốn. Sau khi trốn khỏi nơi giam giữ, cùng ngày 11/6/2023 thì các bị cáo H và N đến Công an huyện V đầu thú; đến ngày 19/6/2023 bị cáo V đến Công an phường P3, quận G, thành phố Hồ Chí Minh đầu thú.

[3.4] Theo khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự quy định về “Tội trốn khỏi nơi giam, giữ...”, thì: “1. Người nào đang bị tạm giữ, tạm giam, áp giải, xét xử hoặc chấp hành án phạt tù mà bỏ trốn, thì bị phạt tù...”; hành vi của các bị cáo đã thực hiện gây hậu quả rất nghiêm trọng cho xã hội, cản trở hoạt động của Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang.

[3.5] Như vậy, với hành vi và hậu quả các bị cáo đã gây ra, là đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ”; nguy hiểm hơn trước khi bỏ trốn các bị cáo có sự bàn bạc thống nhất, dùng mền che camera để tránh sự phát hiện, nhiều ngày đập cây lam thông gió, chuẩn bị dụng cụ (mùng và mền) cột thành sợi dây, lợi dụng trời mưa để thực hiện hành vi trốn khỏi nơi giam, giữ. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang truy tố các bị cáo về tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ”, với tình tiết định khung tăng nặng “Có tổ chức”, theo điểm a khoản 2 Điều 386 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Tòa án căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[5] Bị cáo Đào Quang H (sinh ngày 08/5/2005) chưa có tiền án, tiền sự.

[5.1] Về nhân thân: (1) Ngày 28/01/2022 bị Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xử phạt 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cướp tài sản”, thời điểm này bị cáo chưa đủ 16 nên không bị coi là có án tích; (2) Ngày 28/8/2023 bị Toà án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” và 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt của hai tội danh là 04 năm tù (theo Bản án số

29/2023/HS-ST ngày 28/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang. Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi thì bị cáo chưa đủ 18 tuổi; trong thời gian chờ xét xử, đến ngày 11/6/2023 bị cáo trốn khỏi nơi giam, giữ (trước ngày Bản án số 29/2023/HS-ST ngày 28/8/2023 có hiệu lực); nên bị cáo được coi là chưa có tiền án; nhưng bị coi là có nhân thân xấu.

[5.2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo ra đầu thú; trình độ văn hóa thấp nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; trước đó, bị cáo đã bị xử phạt cải tạo không giam giữ, đã bị xử phạt tù có thời hạn, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội (trốn khỏi nơi giam, giữ), qua đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật chưa tốt; do đó, cần phải cách ly bị cáo một thời gian nhất định và tổng hợp với hình phạt trước đó, mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Bị cáo Đỗ Ngọc V đã có tiền án:

[6.1] Bản án số 268/2005/HSST, ngày 25/11/2005 của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 (Tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đến ngày 09/11/2016 tiếp tục thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, Bản án số 157/2017/HS-ST ngày 25/7/2017 của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (Ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); đến ngày 09/8/2019 chấp hành xong hình phạt tù; đến ngày 26/8/2022 thi hành xong về án phí, đến ngày 11/6/2023 tiếp tục trốn khỏi nơi giam giữ, nên Cáo trạng và tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” đối với bị cáo là có căn cứ.

[6.2] Về nhân thân: Bản án số 17/2023/HS-ST ngày 23/6/2023 bị Toà án nhân dân huyện Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang xử phạt 12 (Mười hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; cha không rõ; bị cáo ra đầu thú; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; tuy nhiên, bị cáo nhiều lần bị kết án, trong đó có lần phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, trong thời gian tạm giam chờ xét xử lại tiếp tục thực hiện hành vi trốn khỏi nơi giam, giữ; do đó, lần phạm tội này phải cách ly bị cáo một thời

gian dài mới đảm bảo tính giáo dục, phòng ngừa, đồng thời tổng hợp với hình phạt 12 năm tù của bản án trước đó.

[7] Bị cáo Lê Văn N chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo ra đầu thú; có hai con nhỏ; trình độ văn hóa thấp nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Trước khi trốn khỏi nơi giam, giữ (ngày 11/6/2023); ngày 01/02/2022 bị cáo thực hiện hành vi cố ý gây thương tích, đến ngày 15/8/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xử phạt 01 (Một) năm tù, nên chưa bị coi là có tiền án.

[8] Về vị trí vai trò đồng phạm giữa các bị cáo: Bị cáo Đào Quang H là người rủ rờ các bị cáo Đỗ Ngọc V và Lê Văn N trốn khỏi nơi giam, giữ; trong nhiều ngày (từ ngày 07/6/2023 đến ngày 11/6/2023), lợi dụng sơ hở của cán bộ Nhà tạm giữ, các bị cáo chuẩn bị mền để che camera phát hiện, đập lam thông gió, chuẩn bị mùng và mền để vượt hàng rào, lợi dụng trời mưa để trốn; qua đó cho thấy giữa các bị cáo có sự câu kết chặt chẽ để cùng thực hiện tội phạm, bị cáo H là người có vai trò chủ mưu trong vụ án, do đó đối với bị cáo H cần thiết phải áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[9] Tổng hợp hình phạt:

[9.1] Bị cáo Đào Quang H đang chấp hành hình phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” và 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt của hai tội danh là 04 năm tù (theo Bản án số 29/2023/HS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang).

[9.2] Bị cáo Đỗ Ngọc V đang chấp hành hình phạt 12 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, (theo Bản án số 17/2023/HS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang).

[9.3] Bị cáo Lê Văn N đang chấp hành hình phạt 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, (theo Bản án số 24/2023/HS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang).

[9.4] Về tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ” đối với các bị cáo, Tòa án quyết định mức hình phạt và tổng hợp với hình phạt theo các bản án đã xử phạt các bị cáo. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề xuất mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, tương xứng với hành vi và hậu quả các bị cáo gây ra.

[10] Các bị cáo trốn khỏi nơi giam, giữ ngày 11/6/2023, cùng ngày các bị cáo Đào Quang H và Lê Văn N ra đầu thú. Riêng bị cáo Đỗ Ngọc V đến ngày

19/6/2023 mới ra đầu thú; do đó, từ ngày 11/6/2023 đến ngày 19/6/2023 bị cáo V không được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Không ai có yêu cầu nên không xem xét.

[12] Về số tiền 1.500.000đ chị Nguyễn Thị H1 cho bị cáo Đỗ Ngọc V, nếu có tranh chấp, yêu cầu thì giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

[13] Xử lý vật chứng: Một sợi dây làm bằng vải mùng dài 4,3m có cột 08 nút thắt; một sợi dây làm bằng vải mền dài 2,3m có cột hai nút thắt hai đầu, các vật chứng này không có giá trị sử dụng. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự để tịch thu, tiêu hủy. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị hướng xử lý vật chứng là có căn cứ.

[14] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[15] Quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Đào Quang H, Đỗ Ngọc V và Lê Văn N phạm tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ”.

1. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 386; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 38, 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 292, 293, 298, 329, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với các bị cáo: Đào Quang H, Đỗ Ngọc V và Lê Văn N. Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Ngọc V.

1.1. Xử phạt bị cáo Đào Quang H 05 (Năm) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với hình phạt phạt 03 (Ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” và 01 (Một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt của hai tội danh là 04 (Bốn) năm tù, theo Bản án số 29/2023/HS-ST ngày 28/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là: 09 (C) năm tù.

Thời gian chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 07/01/2023, theo Bản án số 29/2023/HS-ST ngày 28/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

1.2. Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc V 04 (B) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với hình phạt phạt 12 (Mười hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo Bản án số 17/2023/HS-ST ngày 23/6/2023 của Toà án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là: 16 (Mười sáu) năm tù.

Thời gian chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 19/6/2023;

Được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/02/2023 đến ngày 11/6/2023, theo Bản án số 17/2023/HS-ST ngày 23/6/2023 của Toà án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

1.3. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 03 (Ba) năm tù.

Thời gian chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 07/02/2024.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Không ai có yêu cầu nên không xem xét.

3. Số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị H1 cho bị cáo Đỗ Ngọc V, nếu có tranh chấp, yêu cầu thì giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

4. *Xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: Một sợi dây làm bằng vải mùng dài 4,3m có cột 08 nút thắt; một sợi dây làm bằng vải mền dài 2,3m có cột hai nút thắt hai đầu.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/01/2023 giữa đại diện Cơ quan điều tra với đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang).

6. *Án phí hình sự sơ thẩm:* Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đào Quang H, Đỗ Ngọc V và Lê Văn N, mỗi bị cáo phải nộp: 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

7. *Quyền kháng cáo:* Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang.
- VKSND tỉnh Hậu Giang.
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang.
- VKSND huyện Vị Thủy.
- CQ Điều tra huyện Vị Thủy;
- CQ THAHS huyện Vị Thủy;
- Nhà tạm giữ Công an h.Vị Thủy.
- Bị cáo, người liên quan.
- UBND nơi bị cáo cư trú.
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy.
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.
- Công TTĐT (để công bố).

**TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

